TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2022/HC-PT
Ngày 12/5/2022
V/v: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 68/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2021/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 535/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1949; địa chỉ: 1653/6 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Quang H, sinh năm 1977; địa chỉ: 48 đường N, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Giấy ủy quyền ngày 12/12/2019 (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: 89 đường L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ Thảnh – Chủ tịch UBND thành phố V (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phạm Huy Liền – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt)

- Ông Nguyễn Thanh Phong - chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất TP Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 01 đường Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thọ - Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn Mạnh - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Ông Hồ Việt Phước Thịnh - Chuyên viên Chi cục quản lý đất đai (có mặt)

3.2. Bộ Tư lệnh Quân chủng H.

Địa chỉ: 38 đường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hiệp – Trợ lý Phòng Doanh trại – Cục Hậu Cần (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: UBND thành phố V; ông Phạm Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/12/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8792/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.091,8m^2 đất tại phường 12 do ông Phạm Văn B đang sử dụng để thực hiện dự án Cơ sở doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2 tại ngã ba sông Dinh, sông Cây Khế, phường 12, thành phố V.

Ngày 21/12/2018, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 8794/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Văn B do nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cơ sở doanh trại Đội kiểm ngư số 2 tại ngã 3 Sông Dinh – Sông Câu Khế, Phường 12, thành phố V. Theo đó: không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 7.091,8m^2 ; không bồi thường vật kiến trúc (bờ đùng đắp đất, cống xả xây gạch); hỗ trợ sản lượng nuôi tôm, cá. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 8.651.000 đồng.

Ngày 23/10/2020, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5308/QĐ-UBND về việc thu hồi 6.590,2 m^2 đất do ông Phạm Văn B đang sử dụng tại Phường 12 để thực hiện dự án tuyến đường vào cơ sở doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2 tại ngã 3 Sông Dinh – Sông Cầu Khế, Phường 12, thành phố V.

Ngày 23/10/2020, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 5311/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn B do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến đường vào cơ sở doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2 tại ngã 3 Sông Dinh – Sông Cầu Khế, Phường 12, thành phố V. Theo đó: không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 6.590,2 m^2; không bồi thường vật kiến trúc (bờ đùng đắp đất); hỗ trợ sản lượng

nuôi tôm, cá. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 179.431.930 đồng.

Không đồng ý các quyết định trên, ông B khởi kiện tại Tòa án.

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện của người khởi kiện trình bày:

Năm 1989, ông B nhận sang nhượng ruộng muối từ Công ty Liên Doanh Thủy Sản Long Sơn đến nay đã được 30 năm. Khi ông B canh tác ruộng muối, thì phía sau còn mảnh đất hoang ông B tiếp tục khai phá thêm.

Năm 1993, khi Nhà nước quy hoạch làm khu chế xuất Phước Thắng đất của ông B cũng được kiểm kê, nhưng không thấy Nhà nước thực hiện dự án này. Ông B lục lại hồ sơ cũ trong bản đồ năm 1993 thể hiện đất của ông B được vẽ theo ba thửa là: Thửa số 37 diện tích 11.909m^2; thửa số 36 diện tích 40.786m^2; thửa số 39 diện tích 10.758m^2. Tổng diện tích là 63.453m^2.

Ông B canh tác các thửa đất trên từ năm 1989 và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Hiện nay, ông B canh tác sử dụng toàn bộ diện tích này và làm đùng nuôi tôm, nuôi nghêu sò. Do vậy đất ông B bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất.

Ông B khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

+ Tuyên hủy Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V .

+ Tuyên hủy quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

+ Tuyên hủy quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 6.590,20 m^2 đất do ông Phạm Văn B đang sử dụng tại Phường 12 để thực hiện dự án tuyến đường vào cơ sở doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2 tại ngã 3 Sông Dinh – Sông Cầu Khế, Phường 12, thành phố V.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng, đúng diện tích.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải đền bù về diện tích đất thu hồi và tất cả các khoản hỗ trợ từ việc thu hồi.

- Người bị kiện UBND thành phố V có văn bản ý kiến trình bày:

1. Đối với diện tích 7.091,8m^2 tại Quyết định số 8794:

Nguồn gốc đất:

Theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 17/4/2017 thì phần diện tích thu hồi 1.024,5 m^2, thuộc thửa thu hồi số 49A + 56A, có nguồn gốc do ông Phạm Văn B khai hoang năm 1991 (phần đất này trước đây bỏ hoang không ai canh tác, như vậy trước đó là đất công do Nhà nước quản lý), ngoài diện tích ông B nhận chuyển nhượng của công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn năm 1989. Tuy nhiên thửa đất trên tại sổ mục kê đã chỉnh lý thể hiện UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã

cấp Giấy chứng nhận cho ông Phan Quang Sang với diện tích 10.526m^2. Đến nay chưa liên lạc được với ông Sang để xác minh, làm rõ.

Phần diện tích thu hồi còn lại 6.067,3 m^2 thuộc thửa thu hồi số 56 có nguồn gốc như sau: Căn cứ theo kết quả xác minh tại Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B khiếu nại quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998, về quyền sử dụng đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V. Theo đó: từ năm 1963 đến năm 1974 bà Hồ Thị Kiếu khai phá và sử dụng 30.000 m^2 làm muối, có đóng thuế nông nghiệp cho chế độ cũ. Tháng 7/1974 bà Kiếu sang nhượng công khai phá cho ông Nguyễn Ngọc Kiến và Trần Văn Nhàn, tháng 7/1974 ông Kiến và ông Nhàn tiếp tục sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Hợi được chính quyền chế độ cũ chấp thuận. Sau giải phóng bà Hợi có đăng ký với chính quyền địa phương. Năm 1978 gia đình bà Hợi trở về thành phố Hồ Chí Minh, sau đó Công an Đặc khu Vũng Tàu- Côn Đảo có sử dụng, quá trình sản xuất kém hiệu quả nên đã bỏ hoang. Năm 1986 UBND Đặc khu cho phép Hội chữ thập đỏ sử dụng. Tháng 7/1987 Hội chữ thập đỏ đã sang nhượng cho Công ty liên doanh thủy sản Long Sơn, tháng 12/1989 Công ty liên doanh thủy sản Long Sơn tiếp tục sang nhượng lại cho ông Phạm Văn B, việc sang nhượng trên đều là không hợp pháp. Do đó hủy bỏ việc sang nhượng trên giữa các đơn vị và cá nhân liên quan vì đây là đất do Nhà nước quản lý tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng. Đồng thời UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũng đã thu hồi Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi. Ngày 06/7/1999 UBND thành phố V đã có báo cáo số 709/CV-UB về việc thực hiện Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999, trong đó ông Phạm Văn B và ông Nguyễn Văn Tố (chồng bà Hợi) đều không đồng ý với Quyết định và tiếp tục khiếu nại. Đến năm 2009 thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có làm việc với UBND phường 12 về đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tố. Đến nay chưa có kết luận.

Tại Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B khiếu nại Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998, về quyền sử dụng đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V. Theo đó tại Điều 2, Điều 3 của quyết định có nêu:

"Điều 2: Hủy bỏ việc sang nhượng 30.000, 0 m^2 đất nêu trên giữa các đơn vị, cá nhân có liên quan. Vì đây là đất do Nhà nước quản lý, tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng, việc sang nhượng nói trên là trái phép.

Điều 3: Bác đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B xin công nhận quyền sử dụng 30.000,0 m^2 đất nói trên. Vì việc sang nhượng đất của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng Thủy Sản Long Sơn là không hợp lệ.

Đối với diện tích đất ông B tự khai phá ngoài 30.000,0 m^2 nêu trên thì ông B được tiếp tục quản lý sử dụng và có trách nhiệm đăng ký kê khai theo đúng quy định của Luật đất đai"

Ngày 21/12/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 8794/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Văn

B. Theo đó ông B chỉ được hỗ trợ sản lượng nuôi tôm trên diện tích 4.669,0 m^2 và sản lượng nuôi cá trên diện tích 123,4 m^2 với số tiền 8.561.000 đồng; không đủ điều kiện bồi thường về đất theo điều 82 Luật đất đai năm 2013. Qua kiểm tra rà soát về nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông B, UBND thành phố V ban hành quyết định trên là đúng theo quy định, việc ông B kiến nghị bồi thường về đất là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B đối với nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Phạm Văn B đang sử dụng để thực hiện dự án Cơ sở doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2 tại Ngã ba sông Dinh, sông Cây Khế, phường 12, thành phố V.

2. Đối với diện tích 6.590,2m^2 tại Quyết định số 5311:

Nguồn gốc quá trình sử dụng đất: Theo xác nhận của UBND phường 12 tại trích biên bản phục vụ công tác bồi thường giải phóng, mặt bằng phần diện tích ông Phạm Văn B đang sử dụng nay thu hồi để thực hiện dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 là 6.590,20 m^2, gồm:

- Diện tích 2.359,2m^2 đất thuộc thửa thu hồi số 01, 3, 73, 74, 77, 78, 80 có nguồn gốc do ông Phạm Văn B khai hoang năm 1991 (phần đất này trước đó là đất hoang do Nhà nước quản lý), nằm ngoài diện tích ông B nhận chuyển nhượng của công ty liên doanh thủy sản Long Sơn năm 1989.

- Phần diện tích còn lại 4.231,0 m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, 03 tờ số 23 bản đồ địa chính phường 11 cũ (nay là phường 12) thành phố V có nguồn gốc của bà Hồ Thị Kiếu khai phá sử dụng từ năm 1963 (năm 1970 bà Kiếu có đăng ký kê khai đóng thuế với chính quyền chế độ cũ). Năm 1974, bà Kiếu có sang nhượng lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Ngọc Kiến và ông Trần Văn Nhàn (có xác nhận của chính quyền chế độ cũ ngày 09/7/1974). Sau đó ông Kiến và ông Nhàn sang nhượng lại cho bà Hợi (được chính quyền chế độ cũ xác nhận ngày 28/8/1974).

Sau năm 1975, gia đình bà Hợi có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với UBND phường Phước Thắng và được UBND phường Phước Thắng xác nhận ngày 01/10/1975. Gia đình bà Hợi canh tác sử dụng trên đất đến năm 1978 thì bị trục xuất khỏi địa phương vì lý do không có hộ khẩu thường trú tại địa phương và lý do an ninh. Sau đó Công an Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo có canh tác một thời gian rồi bỏ hoang. Ngày 02/4/1986, Hội chữ thập đỏ Đặc khu có Công văn số 52/CTĐ.ĐN gửi UBND Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo xin khu đất trên để làm muối và được UBND Đặc Khu bút phê đồng ý ngày 21/4/1986 với nội dung: *"Đồng ý cho làm muối khoảng 02 ha đến khi cần theo quy hoạch sẽ thu hồi lại"*. Đến năm 1987, Hội Chữ thập đỏ Đặc khu không canh tác nữa và tự ý sang nhượng cho Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn. Đến tháng 12/1989, Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn tự ý sang nhượng 2,2 ha cho ông Phạm Văn B, việc sang nhượng nêu trên đều không hợp pháp.

Năm 1988, khi chính sách ruộng đất Nhà nước thay đổi, gia đình bà Hợi có đơn khiếu nại yêu cầu phục hồi lại quyền sử dụng đất đối với phần diện tích

30.000,0m^2 đất tại phường Phước Thắng. Ngày 08/01/1998, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBT về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Hợi với nội dung hủy bỏ việc sang nhượng trái phép lô đất là ruộng muối tại Nam Bình phường 11 của Hội chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo cho các tổ chức và cá nhân có liên quan vì đất này UBND Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng để sản xuất muối, đồng thời công nhận quyền sử dụng hợp pháp lô đất có diện tích 30.000,0m^2 nói trên cho bà Nguyễn Thị Hợi nhưng không xét trả lại đất vì lô đất này nằm trong phạm vi quy hoạch khu công nghiệp Phước Thắng, khi thu hồi đất sẽ đền bù cho chủ sử dụng đất hợp pháp là bà Nguyễn Thị Hợi.

Không đồng ý với quyết định trên, ngày 18/4/1998, ông Phạm Văn B là người đang sử dụng khu đất 30.000,0 m^2 đất của bà Hợi làm đơn khiếu nại đối với Quyết định số 28/QĐ-UBT của UBND Tỉnh.

Ngày 14/4/1999, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1867/QĐ-UB về việc giải quyết đơn của ông Phạm Văn B với nội dung: Thu hồi Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 của UBND Tỉnh; Hủy bỏ việc sang nhượng 30.000,0 m^2 đất nêu trên giữa các đơn vị và cá nhân có liên quan vì đấy là đất Nhà nước quản lý, tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng, việc sang nhượng trên là trái phép đồng thời bác đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B xin công nhận quyền sử dụng đất 30.000,0 m^2 đất nói trên.

Ngày 06/7/1999, UBND thành phố V có Công văn số 709/CV-UB báo cáo việc thực hiện Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999. Theo đó, việc thực hiện quyết định nêu trên chưa được thực hiện vì ông B và bà Hợi đều không đồng ý với nội dung tại quyết định, nhưng sau đó cả bà Hợi và ông B đều không có kiến nghị, khiếu nại.

Đến năm 2007, ông Nguyễn Văn Tố (chồng bà Hợi tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 và yêu cầu xin phục hồi lại quyền sử dụng 30.000,0m^2 đất nêu trên. Nội dung này đã được Thanh tra Tỉnh trả lời tại Văn bản số 554/TTr-NV1 ngày 19/5/2010.

Hiện khu đất trên ông Phạm Văn B đang canh tác sử dụng.

Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại của ông (bà) Phạm Văn B:

Trên cơ sở trích biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 19/4/2017 của UBND phường 12 đối với hộ ông Phạm Văn B; qua kiểm tra hồ sơ địa chính năm 1993, nhận thấy trong tổng diện tích 6.590,20 m^2 đất thu hồi để thực hiện dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư có:

+ Phần diện tích 108,8m^2 thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ 23, loại đất "đùng" không có chủ sử dụng;

+ Phần diện tích 2.155,2 m^2 thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ 23, loại đất "đùng" không có tên chủ sử dụng;

+ Phần diện tích 4.073,5 m^2 thuộc một phần thửa 03, tờ bản đồ số 23, loại đất "R muối" không có tên chủ sử dụng;

+ Phần diện tích 10,5 m^2 thuộc phần thửa 142, tờ bản đồ 23, loại đất "hoang (hg)" không có tên chủ sử dụng và phần diện tích 242,2 m^2 đất thuộc sông Dinh và đường mương.

Đối chiếu hồ sơ, giấy tờ do ông Phạm Văn B cung cấp không có giấy tờ pháp lý chứng minh nguồn gốc do khai phá, chuyển nhượng và quá trình sử dụng đất hợp pháp của mình. Vì vậy, để tránh tranh chấp đất sau này hoặc chỉ trả tiền bồi thường không đúng đối tượng; sau khi UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 về việc thu hồi đất và Quyết định số 5311/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền: 179.431.930 đồng thì số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước cho đến khi xác định được chủ sử dụng đất hợp pháp sẽ tiến hành chi trả.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên ông Phạm Văn B có đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị tuyên hủy Quyết định số 5308/QĐ-UBND ; 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố V.

Nhận xét:

- Đối với nội dung ông Phạm Văn B buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng, đúng diện tích là không có cơ sở bởi lẽ:

Căn cứ Điều 63, Luật Đất đai 2013 quy định:

"Việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ sau đây:

1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này;

2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án"

Dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 tại ngã 3 sông Dinh, sông Cây Khế, phường 12 thành phố V thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo Điều 61, Luật Đất đai 2013.

Dự án đã được thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định số 542/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án thành lập 03 Chi đội Kiểm ngư, trong đó có Chi đội Kiểm ngư số 2; và đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đồng ý thỏa thuận địa điểm tại Văn bản số 1368/UBND-VP ngày 13/3/2016.

Dự án có tên trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016, đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 31/12/2015. Do đó, ngày 06/10/2016, UBND thành phố V đã ban hành Thông báo số 510/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại.

Nội dung Thông báo thu hồi đất số 510/TB-UBND ngày 06/10/2016 đã thể hiện đầy đủ nội dung theo Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ trên cơ sở pháp lý hồ sơ theo quy định, kèm theo bản đồ thu hồi đất do Công ty Cổ phần Hoa Sen lập được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kiểm tra xác nhận ngày 26/8/2016.

Ngày 28/10/2016, UBND phường 12 đã triển khai thông báo thu hồi đất số 510/TB-UBND đến các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013. Nội dung này được thể hiện tại Biên bản họp ngày 28/10/2016 và danh sách các hộ gia đình, cá nhân, đơn vị nhận thông báo thu hồi đất và nghe phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đính kèm có tên ông Phạm Văn B.

Tại biên Bản kiểm đếm số 01, ngày 15/12/2016 của dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại, thể hiện ông Phạm Văn B bị thu hồi phần diện tích 6.590,20 m^2 thuộc thửa 96, 97, 98, 100, 102, 27, 29, 105, 19, 106, 107, 82, 85, 86, 14, 16, 88, 89, 91, 94, 21, 1, 3, 73, 74, 77, 78, 80, 78, 71 tờ bản đồ thu hồi đất. Trên đất không có hoa màu cây trái. Ông B đã kí vào Biên bản kiểm đếm nêu trên. Tại các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã xác định đối tượng thu hồi là ông Phạm Văn B.

- Đối với nội dung buộc UBND thành phố V đền bù về diện tích đất thu hồi và tất cả các khoản hỗ trợ từ việc thu hồi đất:

Do việc sang nhượng của Xí nghiệp Liên doanh thủy sản Long Sơn là không hợp pháp, vi phạm Điều 5, Luật Đất đai năm 1987 *"Nghiêm cấm việc mua, bán, lấn, chiếm đất đai, phát canh thu tô dưới mọi hình thức, nhận đất được giao mà không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, tự tiện sử dụng đất nông nghiệp, đất có rừng vào mục đích khác, làm hủy hoại đất đai"* nên ngày 14/4/1999, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quyết định Quyết định số 1867/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B khiếu nại Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 về quyền sử dụng đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V với nội dung bác đơn xin công nhận quyền sử dụng 30.000m^2 đất mà ông B nhận sang nhượng từ Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thủy sản Long Sơn.

Theo sơ đồ vị trí khu đất và danh sách các hộ đang sử dụng đất do Ban Quản lý đất đai lập đính kèm quyết định số 256/QĐ-UBT ngày 02/3/1993 về việc thu hồi 1.375.642,0m^2 đất tại khu vực khu phố Nam Bình phường 11, thành phố V để sử dụng vào mục đích khác có tên ông Phạm Văn B thuộc các thửa: 36, diện tích 40.786,0m^2 đất R.muối; thửa 37, diện tích 11.909,0m^2; thửa 38, diện tích 1.401,0m^2; thửa 39, diện tích 10.758,0m^2, loại đất hoang.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại của UBND Tỉnh đối với phần diện tích 30.000m^2 ông Phạm Văn B nhận chuyển nhượng từ Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thủy sản Long Sơn không có sơ đồ vị trí cụ thể nên không thể xác định chính xác phần diện tích này nằm khu vực nào trên sơ đồ vị trí của dự án Khu chế xuất Phước Thắng.

Đối với phần diện tích ông Phạm Văn B khai hoang năm 1991, ông B không cung cấp được chứng cứ sử dụng đất hợp pháp của mình ngoài các biên lai thuế doanh thu và thuế lợi tức. Tại Văn bản số 1039/UBND-ĐC ngày 28/8/2017 của UBND phường 12 có nêu nội dung trước đây khu vực này là đất hoang do Nhà nước quản lý. Do đó, đối với 6.590,20 m^2 thu hồi để thực hiện dự án Tuyến đường vào Cơ sở doanh trại Chi đội Kiểm ngư số 2 không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo Điều 82, Luật Đất đai 2013. Việc ông B kiến nghị bồi thường về đất là không có cơ sở.

Trên đất không có hoa màu cây trái; có bờ đùng đắp đất kích thước (38,5 x rộng 1,8 x cao 1,5)m do xây dựng trên phần đất không được bồi thường, căn cứ theo Điều 92 Luật Đất đai 2013, khoản b, điều 17b của Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì phần bờ đùng này không được bồi thường, hỗ trợ.

Do ông B có nuôi cá trên phần diện tích 567,2 m^2 và nuôi tôm với diện tích 4.996,7 m^2 theo mô hình bán thâm canh, nên tại Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020,UBND thành phố V đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông B với số tiền 179.431.930 đồng.

Trên cơ sở hồ sơ vụ việc và quy định của pháp luật về đất đai, UBND thành phố V có ý kiến đối với vụ kiện của ông Phạm Văn B như sau:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông (bà) Phạm Văn B, địa chỉ số 1653/6 đường 30/4, phường 12, thành phố V.

Giữ nguyên Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 và Quyết định 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố V.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có văn bản ý kiến trình bày:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Toàn bộ diện tích 30.000m^2 đất ông Phạm Văn B khiếu nại thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính Phường 11 (nay là Phường 12) có nguồn gốc của bà Hồ Thị Kiếu khai phá sử dụng từ năm 1963 (năm 1970 bà Kiếu có đăng ký kê khai đóng thuế đất với chính quyền chế độ cũ). Năm 1974, bà Kiếu sang nhượng lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Ngọc Kiến và ông Trần Văn Nhàn (có xác nhận của chính quyền chế độ cũ ngày 09/7/1974). Sau đó ông Kiến và ông Nhàn sang nhượng lại cho bà Hợi (được chính quyền chế độ cũ xác nhận ngày 28/8/1974). Sau năm 1975, gia đình bà Hợi có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất với UBND phường Phước Thắng (UBND phường Phước Thắng xác nhận ngày 01/10/1975). Gia đình bà Hợi canh tác sử dụng đất trên đến năm 1978 thì bị trục xuất khỏi địa phương (vì lý do không có hộ khẩu thường trú tại địa phương và lý do an ninh). Sau đó Công an Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo có canh tác sử dụng một thời gian rồi bỏ hoang. Ngày 02/4/1986, Hội Chữ thập đỏ Đặc khu có công văn số 52/CTĐ.ĐN gửi UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo xin khu đất trên để làm muối và được UBND Đặc Khu bút phê đồng ý ngày 21/4/1986 với nội dung: "*Đồng ý cho làm muối khoảng 2ha đến khi cần theo quy hoạch thì sẽ thu hồi lại"*. Đến năm 1987, Hội Chữ thập đỏ Đặc khu không canh tác nữa và tự ý sang nhượng cho Công ty Liên doanh Thuỷ

sản Long Sơn. Đến năm 1989, Công ty Liên doanh Thuỷ sản Long Sơn tự ý sang nhượng lại cho ông Phạm Văn B với diện tích 2,2ha để làm muối (năm 1992 ông B mới làm thủ tục chuyển nhượng tại UBND phường nhưng không có chữ ký của bên chuyển nhượng). Ông Phạm Văn B canh tác sử dụng đất này.

Quá trình giải quyết khiếu nại:

Năm 1988, khi chính sách ruộng đất của Nhà nước có thay đổi, gia đình bà Hợi đã làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban Thanh tra Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo xin được phục hồi lại quyền sử dụng 30.000m^2 đất tại phường Phước Thắng. Ngày 25/5/1988, Ủy ban Thanh tra Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo có phiếu báo số 182/GB/UBTT gửi bà Hợi với nội dung: đơn của bà đã được chuyển đến Ban quản lý ruộng đất Đặc khu, đề nghị bà liên hệ để biết kết quả giải quyết.

Sau nhiều năm không được giải quyết, năm 1995 bà Hợi tiếp tục có đơn khiếu nại. Ngày 07/09/1996, UBND thành phố V có Công văn số 508/CV.UB trả lời đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố V và hướng dẫn bà gửi đơn đến Sở Địa chính để được xem xét giải quyết.

Ngày 16/12/1997, Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) có Công văn số 1044/CV-ĐC báo cáo UBND tỉnh về kết quả thẩm tra xác minh đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi trong đó có nội dung đề xuất: *"Diện tích đất 30.000m^2 bà Nguyễn Thị Hợi xin lại để sử dụng, hiện nay do ông Phạm Văn B đang làm muối thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 23 phường 11 hiện đã quy hoạch nằm trong khu công nghiệp Phước Thắng. Căn cứ Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 không giải quyết giao lại phần diện tích 30.000m^2 đất cho bà Hợi. Nhưng xem xét cân nhắc giữa tình và lý gia đình bà Hợi từ năm 1978 đến nay vẫn có ý kiến khiếu nại về quyền sử dụng lô đất trên nên có thể xem xét giải quyết cho bà theo hướng khi nào Nhà nước giải toả sẽ đền bù giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp cho bà Hợi, ông Trần Văn Bạch được hưởng giá trị tài sản vật kiến trúc trên đất nông nghiệp"*.

Ngày 08/01/1998, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi 30.000m^2 đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V với nội dung:

"Điều 1. Huỷ bỏ việc sang nhượng trái phép lô đất là ruộng muối tại Nam Bình phường 11 của Hội chữ thập đỏ Đặc khu VT-CĐ (nay là Hội chữ thập đỏ tỉnh BRVT) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan vì đất này UBND Đặc khu VT-CĐ tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng để sản xuất muối.

- Công nhận quyền sử dụng hợp pháp lô đất có diện tích 30.000m^2 nói trên cho bà Nguyễn Thị Hợi nhưng không xét trả lại đất vì lô đất này nằm trong phạm vi quy hoạch khu công nghiệp Phước Thắng, khi thu hồi đất sẽ đền bù cho chủ sử dụng đất hợp pháp là bà Nguyễn Thị Hợi, lý do: Bà Nguyễn Thị Hợi sử dụng lô đất này từ 28/8/1974, sau giải phóng có đăng ký với chính quyền địa phương (ngày 01/10/1975) và đã kê khai đăng ký nhà ngày 09/01/1978. Lý do bà Hợi không sử dụng liên tục vì không có hộ khẩu thường trú nên chính quyền yêu cầu bà phải trở về nơi thường trú (1978)".

Ngày 18/4/1998, ông Phạm Văn B - người đang sử dụng diện tích 30.000m^2 đất của bà Hợi làm đơn khiếu nại đối với Quyết định số 28/QĐ-UBT của UBND tỉnh.

Ngày 18/9/1998, Viện KSND tỉnh có Quyết định số 198/KN-KSXKT kháng nghị Quyết định số 28/QĐ-UBT ngày 08/01/1998 của UBND tỉnh.

Ngày 23/7/1998, UBND tỉnh có công văn số 2179/UB-VP giao Thanh tra tỉnh thụ lý xác minh đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B.

Ngày 15/3/1999, Thanh tra tỉnh có báo cáo kết quả xác minh số 117/BC-XKT kiến nghị UBND tỉnh giải quyết đơn của ông Phạm Văn B với nội dung: *"Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 thì diện tích 30.000m2 đất thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 23 - Phường 11 nằm trong quy hoạch khu công nghiệp Phước Thắng không thể giải quyết giao diện tích đất trên cho gia đình bà Hợi được. Ông B chuyển nhượng từ Công ty liên doanh thuỷ sản Long Sơn từ năm 1989, là người trực tiếp đầu tư sản xuất làm tăng giá trị đất, đề nghị thay thế quyết định số 28/QĐ-UBT ngày 08/01/1998 bằng hình thức không chấp nhận việc khiếu nại xin lại đất và xin được đền bù diện tích 30.000m^2 tại phường 11-thành phố V, lý do gia đình bà Hợi không trực tiếp sử dụng từ năm 1978, năm 1986 Nhà nước có văn bản tạm giao cho Hội chữ thập đỏ Đặc khu sử dụng"*.

Ngày 14/4/1999, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1867/QĐ-UB giải quyết đơn của ông Phạm Văn B khiếu nại Quyết định số 28/QĐ-UBT ngày 08/01/1998, với nội dung:

"Thu hồi Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi quyền sử dụng 30.000m^2 đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V. Bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi quyền sử dụng 30.000m^2 đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V. Lý do: Bà Hợi đã không sử dụng diện tích nêu trên từ năm 1978. Đến năm 1986, Nhà nước đã quản lý và tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng.

Huỷ bỏ việc sang nhượng 30.000m^2 đất nêu trên giữa các đơn vị và cá nhân có liên quan. Vì đây là đất do Nhà nước quản lý, tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng, việc sang nhượng trên là trái phép.

Bác đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B xin công nhận quyền sử dụng 30.000m^2 đất nói trên. Vì việc sang nhượng đất của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thuỷ sản Long Sơn là không hợp lệ".

Ngày 06/7/1999, UBND thành phố V có công văn số 709/CV-UB báo cáo việc thực hiện Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh nhưng chưa thực hiện được vì ông B và gia đình bà Hợi đều không đồng ý với Quyết định trên; nhưng sau đó, cả bà Hợi và ông B đều không khiếu nại tiếp.

Đến ngày 04/8/2007, khi biết thông tin khu đất 30.000m^2 trên không còn nằm trong quy hoạch Khu công nghiệp Phước Thắng, gia đình bà Hợi mới lại có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 và yêu cầu xin phục hồi lại quyền sử dụng 30.000m^2 đất nói trên.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản 5273/UBND-VP ngày 10/8/2007 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tố (chồng bà Nguyễn Thị Hợi), ngày 22/4/2010, Thanh tra tỉnh đã có Báo cáo số 434/TTr-NV1 kiến nghị UBND tỉnh trả lời cho ông Nguyễn Văn Tố với nội dung:

- Nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi về việc xin phục hồi quyền sử dụng diện tích 30.000m^2 đất tại Nam Bình Phường 11 (nay là Phường 12), thành phố V trước đây đã được UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998, nhưng sau đó UBND tỉnh lại ban hành Quyết định 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 thu hồi Quyết định số 28/QĐ-UB nêu trên, đồng thời giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi Quyền sử dụng 30.000m^2 đất. Quyết định số 1867/QĐ-UB nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, do đó nội dung ông Nguyễn Văn Tố yêu cầu thực hiện Quyết định số 28/QĐ-UB của UBND tỉnh là không có cơ sở.

- Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 giải quyết bác đơn khiếu nại bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi Quyền sử dụng 30.000m^2 đất do bà Hợi không sử dụng diện tích nêu trên từ năm 1978. Đến năm 1986, Nhà nước đã quản lý và tạm giao cho Hội chữ Thập đỏ sử dụng, do đó việc quy hoạch hay không quy hoạch Khu Công nghiệp Phước Thắng không phải là cơ sở để phục hồi lại 30.000m^2 đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Hợi. Do đó, nội dung ông Nguyễn Văn Tố yêu cầu phục hồi lại Quyền sử dụng 30.000m^2 đất nêu trên cho bà Phạm Thị Hợi là không có cơ sở.

Thực hiện ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản 2787/UBND-VP ngày 12/5/2010 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tố (chồng bà Nguyễn Thị Hợi ở Thành phố Hồ Chí Minh); ngày 19/5/2010, Thanh tra tỉnh có Văn bản số 554/TTr - NV1 trả lời khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tố ở Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như trên.

Như vậy, theo kết quả rà soát vụ việc nêu trên cho thấy: Từ năm 1963 đến năm 1974, bà Hồ Thị Kiếu khai phá và sử dụng 30.000m^2 làm muối, có đóng thuế nông nghiệp cho chế độ cũ. Tháng 07/1974 bà Kiếu sang nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Kiến và ông Trần Văn Nhàn. Tháng 9/1974, ông Kiến và ông Nhàn tiếp tục sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Hợi được chính quyền chế độ cũ chấp thuận. Sau giải phóng, bà Hợi có đăng ký với chính quyền địa phương. Năm 1978, gia đình bà Hợi trở về thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó Công an Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo có sử dụng, quá trình sản xuất kém hiệu quả nên đã bỏ hoang. Năm 1986, UBND Đặc Khu cho phép hội chữ thập đỏ sử dụng. Tháng 7/1987, Hội chữ Thập đỏ đã sang nhượng cho Công ty liên doanh thủy sản Long Sơn, tháng 12/1989, Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn tiếp tục sang nhượng lại cho ông Phạm Văn B, việc sang nhượng trên đều không hợp pháp, vi phạm Điều 5 – Luật đất đai năm 1987 quy định: "*Nghiêm cấm việc mua, bán, lấn, chiếm đất đai, phát canh thu tô dưới mọi hình thức, nhận đất được giao mà không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, tự tiện sử dụng đất nông nghiệp, đất có rừng vào mục đích khác, làm huỷ hoại đất đai*".

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn B, công nhận và giữ nguyên Quyết định 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bộ Tư lệnh Quân chủng H, ông Nguyễn Hiệp có văn bản trình bày:* Bộ tư lệnh Hải quân sẽ thực hiện việc chi trả tiền bồi thường theo phán quyết của Tòa án và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2021/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai; khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B.

- Hủy Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V .

- Hủy quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn B theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phạm Văn B: yêu cầu hủy Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng, đúng diện tích.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định;

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/7/2021 ông Phạm Văn B kháng cáo một phần bản án, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông; ngày 22/7/2021 UBND thành phố V kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho ông Phạm Văn B trình bày: Nguồn gốc đất của ông B gồm hai phần, một phần là do ông B sang nhượng thành quả là 2,2ha ruộng muối của Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn năm 1989, khi sang nhượng hai bên có lập văn bản, ông B đã nộp thuế chuyển nhượng; phần đất thứ hai là do sau khi sang nhượng, ông B đã khai hoang thêm phần đất kế bên để canh tác. Năm 1993, UBND tỉnh có quyết định thực hiện dự án khu chế xuất Phước Thắng, đã lập biên bản xác định tài sản trên đất của ông B để bồi thường,

nhưng do dự án không thực hiện được nên không thu hồi đất và không bồi thường nên ông B vẫn là người quản lý sử dụng từ đó đến nay. Trong các bản vẽ, sơ đồ đất do Phường 11 sau này là Phường 12 quản lý đều thể hiện diện tích đất của ông B, nguyên nhân của việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là do năm 1993 quy hoạch làm dự án chế xuất Phước Thắng kéo dài. UBND thành phố V ban hành Quyết định 8794 và Quyết định 5311 không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông B là không đúng quy định. Quyết định 1867 của UBND tỉnh hủy bỏ hợp đồng sang nhượng thành quả lao động ruộng muối giữa Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn với ông B không đúng pháp luật. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013, đất của ông B có nguồn gốc sang nhượng thành quả lao động và khai phá, sử dụng trước ngày 15/10/1991 nên đủ điều kiện để bồi thường về đất; do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông B.

Người bảo vệ quyền lợi cho UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia tranh tụng: Người đại diện của ông B cho rằng Quyết định 1867 của UBND tỉnh hủy bỏ các hợp đồng dân sự là trái pháp luật, là chưa phù hợp. Do hành vi hành chính của các cơ quan cấp dưới không đúng pháp luật nên UBND tỉnh giải quyết khiếu nại bằng Quyết định 1867, hủy bỏ việc chuyển nhượng giữa các bên; tại thời điểm năm 1987, 1989 không cho phép chuyển nhượng đất, nên UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ công vụ và hủy bỏ việc sang nhượng là phù hợp. Ngoài 30.000m^2 đất của nhà nước, phần đất khác ông B đã khai thác sử dụng thì phải quản lý, kê khai cho đúng pháp luật. Năm 1993, khi UBND tỉnh ban hành quyết định làm khu chế xuất Phước Thắng mặc dù ông B có tên trong danh sách đền bù, tuy nhiên phải chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Người bảo vệ quyền lợi cho UBND thành phố V tham gia tranh tụng: Qua ý kiến của UBND tỉnh, đối với diện tích đất nằm ngoài 30.000m^2 của nhà nước, thì phần đất mương nước và đất giáp Sông Dinh do kỹ thuật lập bản đồ địa chính năm 1993 còn thô sơ, tỉ lệ 1/5000, mương 2m thì không thể hiện được trên bản đồ nên bản vẽ không thể hiện được những phần đất này. Do có nhân chứng xác nhận hiện trạng đất là có mương nên UBND Phường 12 xác nhận đất không có người quản lý canh tác, UBND thành phố V không bồi thường là có căn cứ. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông B.

Người đại diện của ông B trình bày: Hợp đồng sang nhượng thành quả lao động giữa Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn với ông B vào năm 1989 là đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1987; phần đất thu hồi của ông B tại thửa số 2, số 3 là đất làm đùng, làm muối, không phải đất mương nước hay đất Sông Dinh nên trình bày của người bảo vệ cho UBND thành phố V là không đúng. Theo bản đồ địa chính năm 2002, thể hiện tên ông B người sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của ông B và UBND thành phố V, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, trong đó xác định nguồn gốc đất do ông B sang nhượng của Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn và ông B khai phá thêm. Việc sang nhượng thành quả năm 1989 giữa

Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn và ông B, ông B thực hiện nghĩa vụ thuế trước bạ, thuế sử dụng đất đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm hủy 2 quyết định trên, buộc UBND thành phố V phải bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng pháp luật. Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của UBND thành phố V, của ông Phạm Văn B đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông B, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018, Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố V và yêu cầu UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng đối tượng khởi kiện, ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn xem xét Quyết định số 28/QĐ-UBT ngày 08/01/1998 và Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có liên quan là phù hợp; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét về nguồn gốc đất: Diện tích 30.000m^2 đất thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính Phường 11 (nay là Phường 12), thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Hợi sang nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc Kiến và ông Trần Văn Nhàn, được chính quyền chế độ cũ xác nhận ngày 28/8/1974; đến ngày 01/10/1975 bà Hợi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất tại UBND phường Phước Thắng, Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Năm 1978, gia đình bà Hợi chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống không sử dụng; Công an Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo canh tác sử dụng một thời gian rồi bỏ hoang.

[3]. Quá trình sang nhượng quyền khai thác diện tích 2,2ha ruộng muối của ông B: Ngày 02/4/1986, Hội Chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo có Công văn số 52/CTĐ.ĐN gửi UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo xin khu đất khoảng 2ha để làm muối và ngày 21/4/1986 UBND Đặc Khu Vũng Tàu – Côn Đảo bút phê với nội dung: "*Đồng ý cho làm muối khoảng 2ha đến khi cần theo quy hoạch thì sẽ thu hồi lại"*. Tuy nhiên, đến năm 1987 Hội Chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo không canh tác làm muối nữa và UBND Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo cũng không thu hồi diện tích đất đã giao cho Hội Chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo. Năm 1987, Hội Chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo sang nhượng quyền khai thác diện tích 2,2ha ruộng muối cho Công ty Liên doanh Thuỷ sản Long Sơn; đến năm 1989, Công ty Liên doanh Thuỷ sản Long Sơn sang nhượng lại quyền khai thác diện tích 2,2ha ruộng muối cho ông B là phù hợp với

quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật đất đai năm 1987. Ông B quản lý, sử dụng 2,2ha ngoài ra còn khai phá thêm diện tích đất xung quanh.

[4]. Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 28/QĐ-UBT ngày 08/01/1998 và Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

[4.1]. Theo quy định tại Điều 1 Luật đất đai năm 1987 thì: *"Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước thống nhất quản lý... Nhà nước giao đất cho... cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài. Người đang sử dụng đất đai hợp pháp được tiếp tục sử dụng ổn định, lâu dài".* Sau này, tại Điều 1 và Điều 2 Luật đất đai năm 1993, Điều 4 Luật đất đai năm 2013 cũng xác định lại nội dung trên. Vì vậy, Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định *"Thu hồi Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 08/01/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi quyền sử dụng 30.000m^2 đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V. Bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hợi xin phục hồi quyền sử dụng 30.000m^2 đất tại Nam Bình, phường 11, thành phố V. Lý do: Bà Hợi đã không sử dụng diện tích nêu trên từ năm 1978. Đến năm 1986, Nhà nước đã quản lý và tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng…"* là có cơ sở.

[4.2]. Hợp đồng sang nhượng quyền khai thác ruộng muối 2,2ha giữa Công ty liên doanh thủy sản Long Sơn với ông B năm 1989 là quan hệ dân sự, nếu có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, nay là khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết khiếu nại bằng quyết định hành chính là không đúng thẩm quyền và hủy bỏ hợp đồng dân sự là không đúng quy định của pháp luật, không phù hợp với Án lệ số 49/2021/HĐTPTATC thông qua ngày 25/11/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Điều 1 Quyết định số 28/QĐ-UBT ngày 08/01/1998 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định tại:*"Huỷ bỏ việc sang nhượng trái phép lô đất là ruộng muối tại Nam Bình phường 11 của Hội chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo (nay là Hội chữ thập đỏ tỉnh BR-VT) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan vì đất này UBND Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng để sản xuất muối…"* và Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: "…*Huỷ bỏ việc sang nhượng 30.000m^2 đất nêu trên giữa các đơn vị và cá nhân có liên quan. Vì đây là đất do Nhà nước quản lý, tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng, việc sang nhượng trên là trái phép. Bác đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B xin công nhận quyền sử dụng 30.000m^2 đất nói trên. Vì việc sang nhượng đất của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thuỷ sản Long Sơn là không hợp lệ"* là không đúng quy định tại Án lệ đã viện dẫn trên; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định "…*Huỷ bỏ việc sang nhượng 30.000m^2 đất nêu trên giữa các đơn vị và cá nhân có liên quan…"* tại Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đúng pháp luật, là chưa có căn cứ. Mặt khác, diện tích đất ruộng muối các bên sang nhượng là 2,2ha nhưng các quyết định trên lại giải quyết 3ha

(30.000m^2) là không đúng với thực tế. Do đó, kháng cáo của ông B yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1867/QĐ-UB là có căn cứ.

[5]. Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018, Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố V:

[5.1]. Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 thu hồi 7.091,8m^2; trong đó 1.024,5m^2, thuộc thửa số 49A + 56A, có nguồn gốc do ông B khai phá năm 1991 và 6.067,3m^2 thuộc thửa số 56, do ông B nhận sang nhượng quyền khai thác ruộng muối của Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn năm 1989. Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 thu hồi 6.590,2m^2; trong đó 2.359,2m^2 đất thuộc thửa số 01, 03, 73, 74, 77, 78, 80 do ông B khai phá năm 1991 và 4.231,0m^2 thuộc một phần thửa số 02 và 03, do ông B nhận sang nhượng quyền khai thác ruộng muối của Công ty Liên doanh Thủy sản Long Sơn năm 1989; đến nay UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBND thành phố V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc quản lý diện tích đất 30.000m^2 của bà Hợi, người bảo vệ quyền lợi cho UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng: Ngày 21/4/1986 UBND Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo bút phê nội dung: "*Đồng ý cho làm muối khoảng 2ha…"* tại Công văn số 52/CTĐ.ĐN ngày 02/4/1986, của Hội Chữ thập đỏ Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo là chứng cứ để xác định 30.000m^2 đất có nguồn gốc của bà Hợi nhà nước đã quản lý là không có căn cứ. Hơn nữa, Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại của ông B cũng xác định: "… *Đối với diện tích đất ông B tự khai phá ngoài 30.000,0m^2 nêu trên thì ông B được tiếp tục quản lý sử dụng và có trách nhiệm đăng ký kê khai theo đúng quy định của Luật đất đai".* Như vậy, UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã thừa nhận diện tích đất ông B khai phá thêm (ngoài 30.000m^2), ông B là người quản lý, sử dụng hợp pháp.

[5.2]. Năm 1993, UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu quy hoạch khu chế xuất Phước Thắng, đất của ông B nằm trong diện tích bị thu hồi, Ban đền bù giải tỏa của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập Biên bản kiểm kê đất đai, hoa màu, cây trái và các loại tài sản khác vào ngày 05/5/1993, diện tích lô 36 là 40.786m^2, lô 37 là 11,909m^2 sản xuất muối và đùng nuôi tôm cá, cống xây gạch số 1 và số 2, nhà lá rộng 4m, dài 6m và cao 3,5m (nay là nhà cấp 4); nhưng sau đó không thực hiện quy hoạch và Theo Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi hủy bỏ các Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 02/3/1993 và Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 13/3/1993 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về thu hồi và giao đất để xây dựng khu công nghiệp Phước Thắng thì tại Điều 2 của quyết định: *"Trả lại hiện trạng ban đầu của khu đất cho người sử dụng đất để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai"*. Tại Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 và Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông B 8.561.000 đồng và 179.431.930 đồng mà không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và cho rằng đất khi thu hồi là đất bỏ hoang, không có người quản lý, sử dụng là không phù

hợp với những tài liệu trên, cũng như Sổ mục kê được phê duyệt năm 2004 ông B có tên kê khai, sử dụng.

[5.3]. Diện tích đất 7.091,8m^2 và 6.590,2m^2 ông B bị thu hồi để thực hiện dự án làm đường và Cơ sở doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2 tại ngã ba sông Dinh, sông Cây Khế, phường 12, thành phố V có nguồn gốc do sang nhượng quyền khai thác ruộng muối và khai phá sử dụng làm ruộng muối, đùng để nuôi tôm cá ổn định từ năm 1989 đến nay, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 1 Điều 75, điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 và Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố V không bồi thường, hỗ trợ giá trị đất nông nghiệp cho ông B khi thu hồi đất là không đúng quy định nên ông B khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định trên và buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường đất và hỗ trợ khi thu hồi đất của ông B là có căn cứ.

[6]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố V và UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không phù hợp nên không được chấp nhận; lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông B phù hợp nên được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND thành phố V, chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, sửa một phần bản án sơ thẩm. UBND thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, ông B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn B; Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2021/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính; Căn cứ khoản 2 Điều 49 Luật đất đai năm 1987; Căn cứ khoản 1 Điều 75, điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Án lệ số 49/2021/HĐTPTATC thông qua ngày 25/11/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 1, 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B.

- Hủy một phần Quyết định số 1867/QĐ-UB ngày 14/4/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về quyết định: "…*Huỷ bỏ việc sang nhượng 30.000m^2 đất nêu trên giữa các đơn vị và cá nhân có liên quan. Vì đây là đất do Nhà nước quản lý, tạm giao cho Hội chữ thập đỏ sử dụng, việc sang nhượng trên là trái phép. Bác đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B xin công nhận quyền sử dụng 30.000m^2 đất nói trên. Vì việc sang nhượng đất của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thuỷ sản Long Sơn là không hợp lệ*"

- Hủy Quyết định số 8794/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Hủy Quyết định số 5311/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn B theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Phạm Văn B: Yêu cầu hủy Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng, đúng diện tích.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000 đồng án phí đối với Quyết định số 8794 và 300.000 đồng án phí đối với Quyết định số 5311.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Phạm Văn B không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000030 ngày 29/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân thành phố V đã nộp xong án phí.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý